**TRƯỜNG CAO ĐẲNG FPT POLYTECHNIC**



BÁO CÁO DỰ ÁN TỐT NGHIỆP

XÂY DỰNG WEBSITE MÔ HÌNH LEGO

(LEGOLOFT)

NGÀNH: LẬP TRÌNH WEB

Giảng viên hướng dẫn: Thầy Nguyễn Quang Hùng

Lớp:

Sinh viên thực hiện:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| MSSV | Họ và tên | Vai trò |
| PS31506 | Huỳnh Kha | Trưởng nhóm |
| PS31428 | Phạm Hữu Nghị | Thành viên |
| PS31313 | Nguyễn Châu Phát Tài | Thành viên |
| PS31460 | Nguyễn Lê Duy Đang | Thành viên |

+

Tp Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**LỜI MỞ ĐẦU**

Trong thời đại công nghệ số hiện nay, việc xây dựng một website bán hàng không chỉ là một xu hướng mà còn là một yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử, người tiêu dùng ngày càng có xu hướng mua sắm trực tuyến, tạo ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp trong việc mở rộng thị trường và tăng trưởng doanh thu.

Tại Việt Nam, với thị trường tiềm năng và đối tượng là trẻ em cùng người trung niên yêu thích lắp ráp sáng tạo, nhóm chúng tôi đã quyết định phát triển một website bán hàng chuyên về mô hình Lego. Website mang tên LegoLoft sẽ phân loại sản phẩm theo từng nhóm tuổi, nhằm cung cấp những bộ mô hình phù hợp nhất với sở thích và nhu cầu của khách hàng.

Website mô hình lego với tên thương hiệu là legoloft.Hứa hẹn sẽ mang đến những mô hình lego với trải nghiệm thú vị và niềm đam mê mãnh liệt dành cho các tín đồ của Lego.

**LỜI CẢM ƠN**

Dự án LegoLoft là thành quả của nhóm chúng tôi sau thời gian học tập tại Cao đẳng FPT Polytechnic. Trong quá trình nghiên cứu và triển khai đề tài, chúng tôi đã nhận được sự quan tâm và hỗ trợ nhiệt tình từ giảng viên hướng dẫn, Thầy Nguyễn Quang Hùng. Chúng tôi xin gửi lời kính trọng và biết ơn sâu sắc đến thầy. Nhờ vào những trao đổi và góp ý quý báu của thầy, nhóm đã hoàn thành đề tài một cách tốt nhất.

Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn Quý Thầy Cô ngành Thiết kế website tại FPT Polytechnic, những người đã truyền đạt kiến thức và kinh nghiệm lập trình, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên trong nhóm hoàn thành dự án.

Do còn nhiều hạn chế về kiến thức và kỹ năng, việc thực hiện đề tài không thể tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý và chỉ dẫn thêm từ Quý Thầy Cô.

Một lần nữa, xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Thầy Cô, đặc biệt là Thầy Nguyễn Quang Hùng!

**PHẦN 1: GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI**

* 1. **GIỚI THIỆU DỰ ÁN**

Chào mừng bạn đến với LegoLoft - điểm đến lý tưởng cho những ai đam mê xây dựng và lắp ráp mô hình Lego! Chúng tôi tự hào mang đến một trang web mua sắm trực tuyến chất lượng, nơi bạn có thể khám phá và sở hữu những bộ sưu tập Lego phong phú và độc đáo nhất.

Website của chúng tôi được thiết kế với giao diện thân thiện và dễ sử dụng, giúp bạn nhanh chóng tìm kiếm và mua sắm những mô hình yêu thích. LegoLoft cam kết cung cấp sản phẩm chất lượng cao và mang lại trải nghiệm mua sắm an toàn, tiện lợi.

Hãy tham gia cộng đồng LegoLoft bằng cách đăng ký thành viên để nhận các ưu đãi đặc biệt, giảm giá hấp dẫn và cập nhật thông tin mới nhất về thế giới Lego. Chúng tôi luôn nỗ lực để mang đến cho những người yêu thích Lego những trải nghiệm mua sắm tuyệt vời nhất.

LegoLoft hy vọng bạn sẽ có những giây phút mua sắm thú vị và hài lòng với sự đa dạng và chất lượng sản phẩm mà chúng tôi cung cấp. Cảm ơn bạn đã chọn LegoLoft - nơi thỏa mãn đam mê xây dựng và sưu tầm của bạn!

**1.2 BAN DỰ ÁN**

Huỳnh Kha - PS31506(Leader)

* Phân tích thiết kế USECASE
* Code giao diện người dùng
* Thực hiện code chức năng trang chủ
* Thực hiện code trang giỏ hàng
* Thực hiện code trang thanh toán
* Thực hiện code trang lịch sử mua hàng
* Thực hiện code trang đăng nhập phân quyền admin
* Thực hiện code trang quản lý người dùng
* Thực hiện code trang quản lý nhóm người dùng
* Thực hiện code trang quản lý sản phẩm
* Thực hiện code trang quản lý hình ảnh sản phẩm
* Thực hiện code trang đăng nhập

pp

Phạm Hữu Nghị - PS31428

* Phân tích thiết kế ERD
* Code giao diện người dùng
* Thực hiện code trang chi tiết
* Thực hiện code trang đăng ký
* Thực hiện code trang giỏ hàng
* Thực hiện code trang đăng nhập phân quyền admin
* Trang tài khoản của tôi
* Thực hiện code trang quản lý khách hàng
* Thực hiện code trang quản lý nhóm khách hàng
* Thực hiện code trang quản lý mã giảm giá
* Thực hiện code trang quản lý yêu thích
* Thực hiện code trang thanh toán

pp

Nguyễn Châu Phát Tài - PS31314

* Thiết kế giao diện người dùng Figma
* Thực hiện code trang yêu thích
* Thực hiện code trang danh mục
* Thực hiện code trang danh mục sản phẩm
* Thực hiện code trang thay đổi mật khẩu(myaccount)
* Trang dashboard
* Thực hiện code trang quản lý hình ảnh
* Thực hiện code trang quản lý danh mục bài viết
* Thực hiện code trang quản lý bài viết
* Thực hiện code trang thanh toán

pp

Nguyễn Lê Duy Đang - PS31460

* Thiết kế giao diện người dùng Figma
* Thực hiện code trang danh mục bài viết
* Thực hiện code trang đơn hàng
* Thực hiện code trang quản lý danh mục sản phẩm
* Thực hiện code trang quản lý danh mục
* Trang code trang quản lý bình luận
* Thực hiện code trang hệ thống cửa hàng
* Thực hiện code trang chính sách
* Thực hiện code trang liên hệ

pp

**PHẦN 2: KHẢO SÁT**

**2.1 YÊU CẦU KHÁCH HÀNG**

Thông qua quá trình trao đổi và tiếp nhận và tổng hợp tất cả ý kiến của khách hàng , kết hợp với việc khảo sát các Website bán hàng trên thị trường.

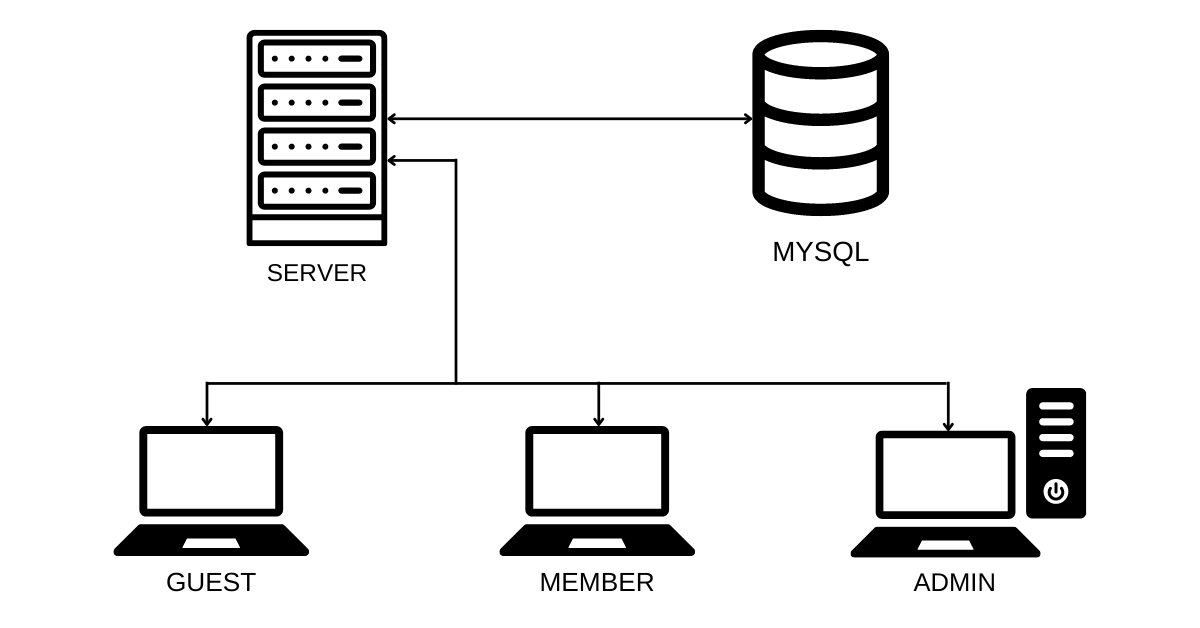
* **Nhóm chức năng dành cho khách vãng lai**
* Đăng ký thành viên
* Tìm kiếm sản phẩm
* Xem sản phẩm
* Thêm vào giỏ hàng
* Thanh toán
* **Nhóm chức năng dành cho thành viên**
* Đăng nhập
* Sản phẩm yêu thích
* Xếp hạng thành viên
* Tích điểm thành viên
* Áp dụng mã giảm giá/voucher
* Tài khoản của tôi
* Chỉnh sửa thông tin cá nhân
* Đổi mật khẩu
* Xem lịch sử đặt hàng
* Tìm kiếm sản phẩm
* Xem sản phẩm
* Đánh giá sản phẩm
* Thanh toán
* **Nhóm chức năng quản lý Website**
* Trang thống kê
* Quản lý danh mục
* Quản lý sản phẩm
* Quản lý đơn hàng
* Quản lý mã giảm giá
* Quản lý hình ảnh(banner)
* Quản lý giỏ hàng
* Quản lý bình luận
* Quản lý yêu thích
* Quản lý danh mục bài viết
* Quản lý bài viết
* Quản lý khách hàng
* Quản lý nhóm khách hàng
* Quản lý người dùng
* Quản lý nhóm người dùng

**2.2 KẾ HOẠCH DỰ ÁN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÔNG VIỆC** | **BẮT ĐẦU** | **KẾT THÚC** | **THÀNH VIÊN** | **TÌNH TRẠNG** |
| **1** | **Phân tích yêu cầu khách hàng** | **14/09/2024** | **28/09/2024** |  |  |
| 1.1 | Vẽ sơ đồ usecase | 14/09/2024 | 20/09/2024 |  | Hoàn thành |
| 1.2 | Phân tích hệ thống | 21/09/2024 | 25/09/2024 |  | Hoàn thành |
| 1.3 | Sơ đồ triển khai | 26/09/2024 | 28/09/2024 |  | Hoàn thành |
| **2** | **Thiết kế hệ thống** | **29/09/2024** | **10/10/2024** |  |  |
| 2.1 | Thiết kế sơ đồ quan hệ ERD cấp 1 | 29/09/2024 | 02/10/2024 |  | Hoàn thành |
| 2.2 | Thiết kế sơ đồ quan hệ ERD cấp 2 | 03/10/2024 | 06/10/2024 |  | Hoàn thành |
| 2.3 | Phác thảo layout bằng Figma | 07/10/2024 | 10/10/2024 |  | Hoàn thành |
| **3** | **Thực hiện dự án** | **11/10/2024** | **29/10/2024** |  |  |
| 3.1 | Thiết kế cơ sở dữ liệu |  |  |  | Hoàn thành |
| 3.2 | Thiết kế giao diện |  |  |  | Hoàn thành |
| 3.3 | Thực hiện code các module người dùng |  |  |  | Hoàn thành |
| 3.4 | Thực hiện code các module quản trị |  |  |  | Hoàn thành |
| **4** | **Kiểm thử** | **30/10/2024** | **04/11/2024** |  |  |
| 4.1 | Xây dựng kịch bản kiểm thử |  |  |  | Hoàn thành |
| 4.2 | Thực hiện kiểm thử |  |  |  | Hoàn thành |
| **5** | **Đóng gói và triển khai** | **05/11/2024** | **09/11/2024** |  |  |
| 5.1 | Đóng gói sản phẩm |  |  |  | Hoàn thành |

**PHẦN 3: PHÂN TÍCH**

**3.1 MÔ HÌNH TRIỂN KHAI HỆ THỐNG**

****

Mô tả sơ đồ:

- Hệ thống bán hàng gồm một database mysql để lưu trữ dữ liệu.

- Sử dụng Laragon trên Windows để cài đặt server.

- Hệ thống tương tác với người dùng dựa trên 3 client: Quản trị viên, khách vãng lai, thành viên.

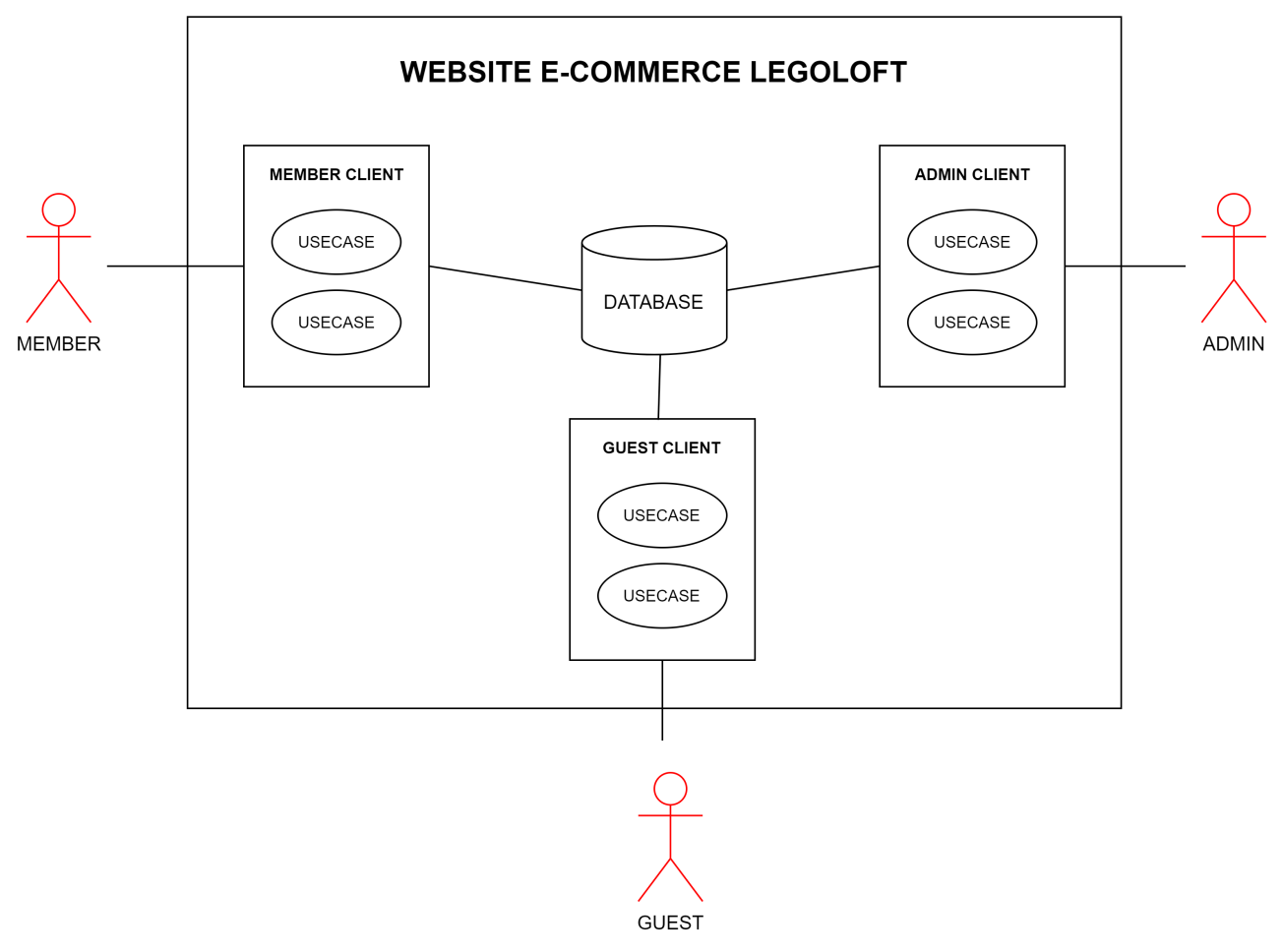
- Quản trị viên: Là nơi quản lý các chức năng của trang web, và chỉnh sửa dữ liệu trên hệ thống.

- Khách vãng lai: Sử dụng các chức năng đăng ký, xem thông tin sản phẩm, thêm giỏ hàng, thanh toán, sử dụng mã giảm giá..

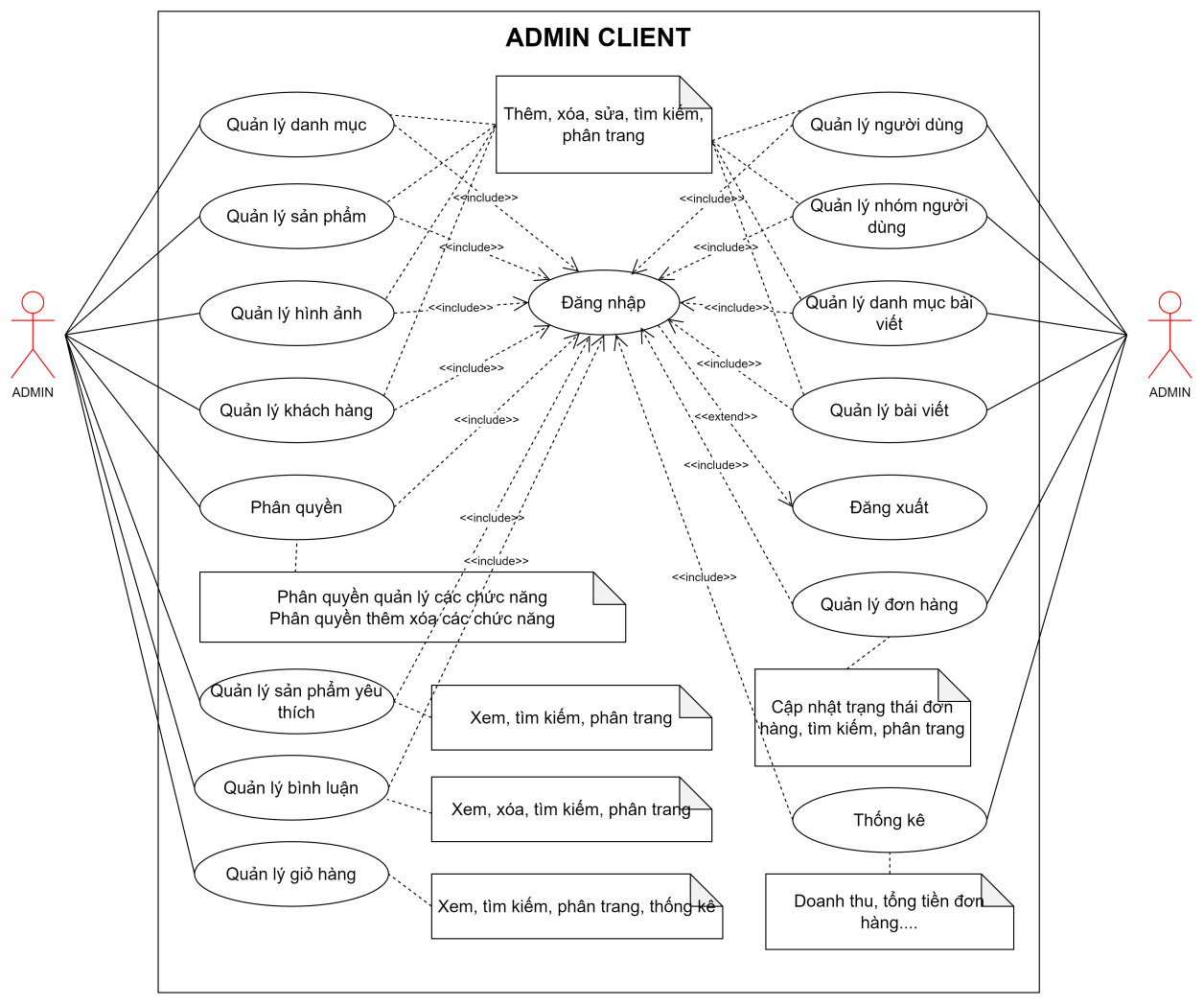
- Thành viên: Sử dụng các chức năng đăng nhập, xem thông tin sản phẩm, thêm giỏ hàng, thanh toán, sử dụng mã giảm giá, chỉnh sửa thông tin, xem lịch sử đặt hàng…

**3.2 SƠ ĐỒ USECASE**

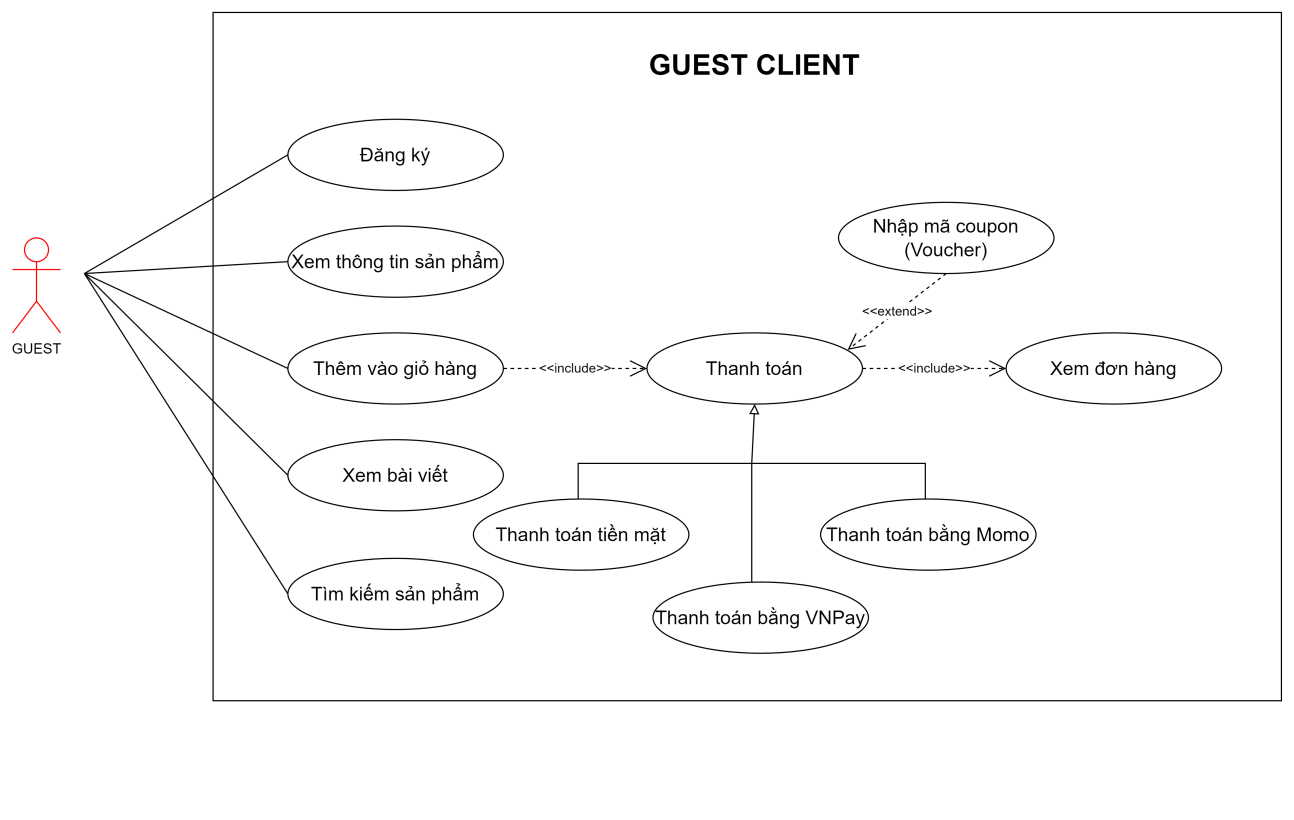
**3.2.1 SƠ ĐỒ USECASE TỔNG QUAN**



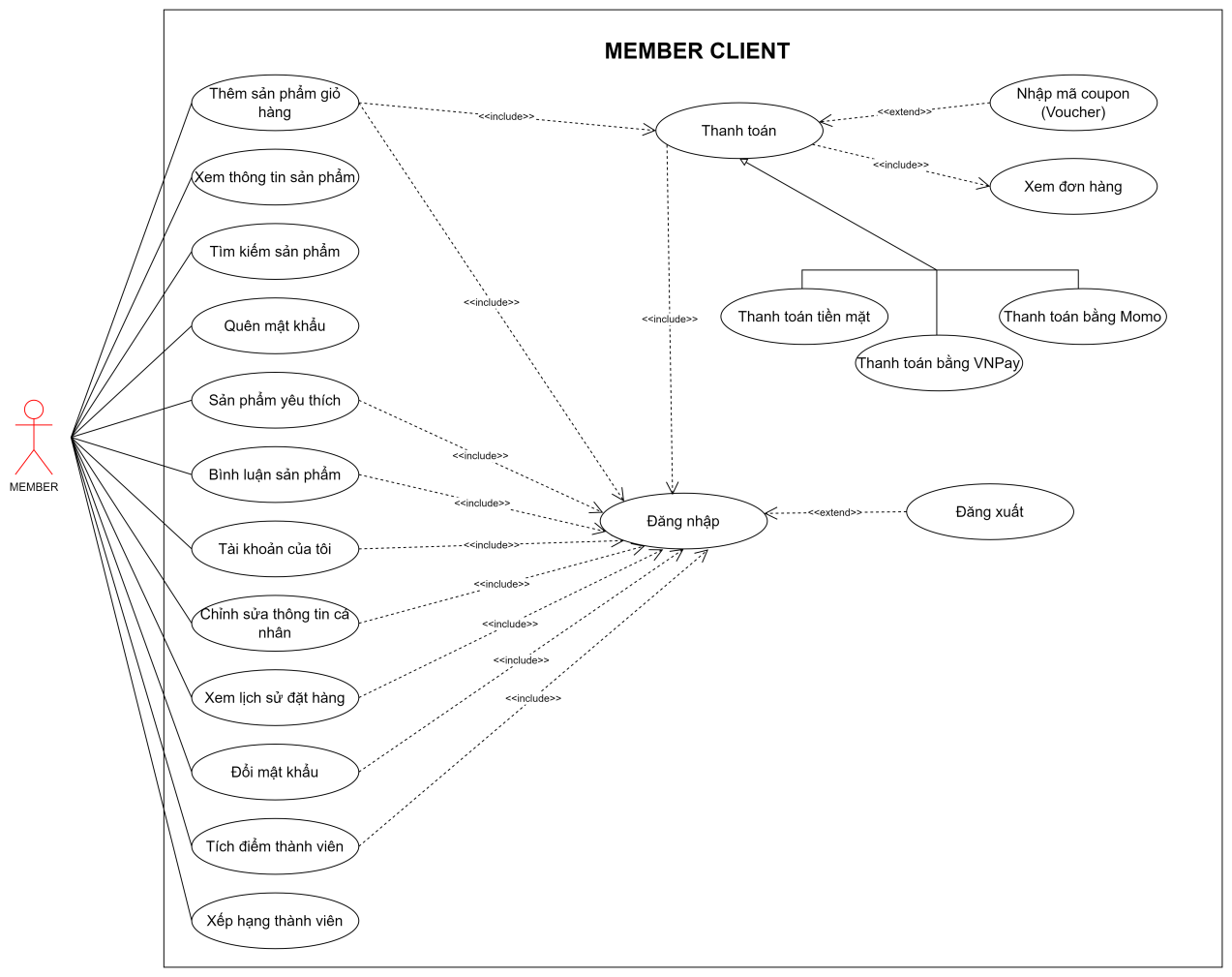
**3.2.2 SƠ ĐỒ USECASE DÀNH CHO ADMIN CLIENT**



**3.2.3 SƠ ĐỒ USECASE DÀNH CHO GUEST CLIENT**



**3.2.4 SƠ ĐỒ USECASE DÀNH CHO MEMBER CLIENT**



**3.3 ĐẶC TẢ YÊU CẦU HỆ THỐNG LEGOLOFT**

**3.3.1 CHI TIẾT USECASE DÀNH CHO ADMIN CLIENT**

**USECASE Đăng nhập:**

**- Mục tiêu:** Cho phép quản trị viên đăng nhập vào hệ thống quản lý của website bán hàng để sử dụng các chức năng quản trị.

- **Actor:** Quản trị viên

- **Điều kiện tiên quyết:** Quản trị viên đã có tài khoản hợp lệ trên hệ thống

- **Dữ liệu đầu vào:** Tên đăng nhập (Username), Mật khẩu (Password)

- **Dòng sự kiện:** Bắt đầu khi người dùng muốn đăng nhập vào hệ thống quản lý **(1)** Quản trị viên nhập Tên đăng nhập và Mật khẩu vào các trường tương ứng trên form đăng nhập. **(2)** Quản trị viên nhấn nút "Đăng nhập" để gửi thông tin đến hệ thống. **(3)** Hệ thống nhận Tên đăng nhập và Mật khẩu. Kiểm tra Tên đăng nhập có tồn tại trong cơ sở dữ liệu hay không. Xác minh Mật khẩu có khớp với Tên đăng nhập tương ứng hay không. **(4)** Nếu Tên đăng nhập và Mật khẩu đều chính xác, Hệ thống thiết lập phiên đăng nhập cho Quản trị viên, Chuyển hướng Quản trị viên đến trang bảng điều khiển (dashboard) quản trị.

- **Ngoại lệ:** Nếu Tên đăng nhập không tồn tại hoặc Mật khẩu không chính xác, Hệ thống hiển thị thông báo lỗi: "Tên đăng nhập hoặc Mật khẩu không đúng. Vui lòng kiểm tra lại.". Hệ thống không thiết lập phiên đăng nhập.

- **Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Hệ thống hiển thị trang đăng nhập dành cho Quản trị viên. Các chức năng quản lý chưa được truy cập và yêu cầu xác thực.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Nếu UC thành công, Actor tiến hành sử dụng các chức năng quản lý.

+ Nếu UC thất bại, Không có quyền truy cập vào các chức năng quản lý.

**USECASE Quản lý danh mục:**

**- Mục tiêu:** Cho phép Quản trị viên quản lý danh mục sản phẩm trên hệ thống bán hàng, bao gồm tạo mới, chỉnh sửa, xóa và xem danh sách danh mục.

- **Actor:** Quản trị viên

- **Điều kiện tiên quyết:** Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống quản lý.

- **Dữ liệu đầu vào:**

+ Tên danh mục (bắt buộc)

+ Tên slug (bắt buộc)

+ Tên hình ảnh (không bắt buộc)

+ Tên mô tả (không bắt buộc)

+ Tên sắp xếp (không bắt buộc)

+ Id danh mục cha con (bắt buộc)

+ Trạng thái (Tùy chọn)

- **Dòng sự kiện:** Từ bảng điều khiển (dashboard), Quản trị viên chọn mục "Quản lý Danh Mục". **(1)** Hệ thống hiển thị danh sách các danh mục hiện có, bao gồm thông tin cơ bản như Tên danh mục, Trạng thái, Ngày tạo, và các tuỳ chọn hành động (Chỉnh sửa, Xóa). **(2)** Thêm mới danh mục, chọn "Thêm Danh Mục", Nhập thông tin cần thiết và nhấn "Lưu", Hệ thống lưu thông tin và thông báo "Thêm danh mục thành công". **(3)** Chỉnh sửa danh mục, Chọn danh mục cần chỉnh sửa và nhấn "Chỉnh sửa", Thay đổi thông tin và nhấn "Cập nhật", Hệ thống cập nhật và thông báo "Cập nhật danh mục thành công". **(4)** Xóa danh mục, chọn những danh mục muốn xóa, xác nhận xóa khi được hệ thống hỏi, Hệ thống xóa danh mục và thông báo "Xóa danh mục thành công".

- **Ngoại lệ: (1)** Thông tin danh mục không hợp lệ khi thêm mới, hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu nhập lại. **(2)** Thông tin danh mục không hợp lệ khi chỉnh sửa, hệ thống hiển thị thông báo và yêu cầu nhập lại. (3) Không thể xóa danh mục, Nếu danh mục đang chứa sản phẩm hoặc được sử dụng ở nơi khác, Hệ thống hiển thị thông báo "Không thể xóa danh mục vì đang được sử dụng".

- **Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Quản trị viên đã đăng nhập thành công vào hệ thống, các chức năng quản lý danh mục có thể được truy cập.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Quản trị viên có thể sử dụng các chức năng quản lý danh mục sản phẩm (thêm mới, chỉnh sửa, xóa, xem danh sách danh mục).

+ Thất bại: Nếu Quản trị viên không có quyền hoặc thông tin không hợp lệ, hệ thống sẽ không hiện chức năng.

**USECASE Quản lý sản phẩm:**

**- Mục tiêu:** Cho phép Quản trị viên quản lý sản phẩm trên hệ thống bán hàng, bao gồm tạo mới, chỉnh sửa, xóa, sao chép sản phẩm và xem danh sách sản phẩm.

- **Actor:** Quản trị viên

- **Điều kiện tiên quyết:** Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống quản lý.

- **Dữ liệu đầu vào:**

+ Tên sản phẩm (bắt buộc)

+ Tên giá (bắt buộc)

+ Tên slug (bắt buộc)

+ Tên hình ảnh (không bắt buộc)

+ Tên mô tả (không bắt buộc)

+ Tên bắt buộc (không bắt buộc)

+ Tên lượt xem (không bắt buộc)

+ Id danh mục (bắt buộc)

+ Trạng thái (Tùy chọn)

- **Dòng sự kiện:** Từ bảng điều khiển (dashboard), Quản trị viên chọn mục "Quản lý Sản Phẩm". **(1)** Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm hiện có, bao gồm các thông tin: Tên sản phẩm, Giá, Trạng thái, Ngày tạo, và các tùy chọn hành động (Chỉnh sửa, Xóa, Sao chép). **(2)** Thêm mới sản phẩm, chọn "Thêm Sản Phẩm", Nhập thông tin sản phẩm cần thiết (Tên sản phẩm, Giá, Slug, Id danh mục...), nhấn "Lưu" để hoàn tất quá trình thêm mới, hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu hợp lệ, hệ thống lưu sản phẩm và hiển thị thông báo "Thêm sản phẩm thành công". **(3)** Chỉnh sửa sản phẩm, chọn sản phẩm cần chỉnh sửa từ danh sách và nhấn "Chỉnh sửa", Thay đổi các thông tin cần thiết (Tên sản phẩm, Giá, Slug, Trạng thái...), Nhấn "Cập nhật" để lưu các thay đổi, Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu hợp lệ, hệ thống cập nhật sản phẩm và hiển thị thông báo "Cập nhật sản phẩm thành công". **(4)** Xóa sản phẩm, chọn một hoặc nhiều sản phẩm cần xóa từ danh sách, Nhấn "Xóa" và xác nhận hành động khi hệ thống đưa ra câu hỏi xác nhận, Hệ thống kiểm tra xem sản phẩm có liên kết với các đơn hàng hay không. Nếu không có liên kết, hệ thống sẽ xóa sản phẩm và hiển thị thông báo "Xóa sản phẩm thành công, Nếu sản phẩm đang được liên kết với các đơn hàng hoặc các thành phần khác, hệ thống sẽ hiển thị thông báo "Không thể xóa sản phẩm vì đang được sử dụng". **(5)** Sao chép sản phẩm, Hệ thống tạo một bản sao của sản phẩm với các thông tin tương tự như sản phẩm gốc, Hệ thống hiển thị thông báo "Sao chép sản phẩm thành công".

- **Ngoại lệ: (1)** Thông tin sản phẩm không hợp lệ khi thêm mới, hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu nhập lại. **(2)** Thông tin sản phẩm không hợp lệ khi chỉnh sửa, hệ thống hiển thị thông báo và yêu cầu nhập lại. (3) Không thể xóa sản phẩm, Nếu sản phẩm đang được liên kết với các đơn hàng hoặc các thành phần khác, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi: "Không thể xóa sản phẩm vì đang được sử dụng". (4) Không thể sao chép sản phẩm, Nếu có lỗi trong quá trình sao chép (ví dụ: lỗi hệ thống hoặc thiếu thông tin quan trọng), hệ thống sẽ thông báo lỗi và yêu cầu Quản trị viên thử lại.

- **Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Quản trị viên đã đăng nhập thành công vào hệ thống, các chức năng quản lý sản phẩm có thể được truy cập.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Quản trị viên có thể sử dụng các chức năng quản lý sản phẩm (thêm mới, chỉnh sửa, xóa, xem danh sách sản phẩm).

+ Thất bại: Nếu Quản trị viên không có quyền hoặc thông tin không hợp lệ, hệ thống sẽ không hiện chức năng.

**USECASE Quản lý đơn hàng:**

**- Mục tiêu:** Cho phép Quản trị viên quản lý đơn hàng trên hệ thống bán hàng, bao gồm tạo mới, cập nhật trạng thái đơn hàng và xem danh sách đơn hàng.

- **Actor:** Quản trị viên

- **Điều kiện tiên quyết:** Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống quản lý.

- **Dữ liệu đầu vào:**

- **Dòng sự kiện: (1)** Xem danh sách đơn hàng, Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng hiện có, bao gồm các thông tin: Mã đơn hàng, Tên khách hàng, Trạng thái đơn hàng, Tổng giá trị, Ngày tạo đơn, và các tùy chọn hành động (Xem chi tiết, Cập nhật trạng thái...). **(2)** Cập nhật trạng thái đơn hàng, chọn đơn hàng cần cập nhật từ danh sách và nhấn "Cập nhật trạng thái", Thay đổi trạng thái đơn hàng (ví dụ: Chờ xác nhận, Đang xử lý, Đã giao hàng, Đã hủy), Nhấn "Cập nhật" để lưu các thay đổi, Hệ thống cập nhật trạng thái đơn hàng và hiển thị thông báo "Cập nhật đơn hàng thành công".  
- **Ngoại lệ:** Không thể cập nhật trạng thái đơn hàng, Nếu trạng thái đơn hàng không hợp lệ (ví dụ: cố gắng cập nhật đơn hàng đã hủy thành trạng thái "Đã giao hàng"), hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Quản trị viên chọn trạng thái hợp lệ.

- **Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Quản trị viên đã đăng nhập thành công vào hệ thống, các chức năng quản lý đơn hàng có thể được truy cập từ bảng điều khiển.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Quản trị viên có thể sử dụng các chức năng quản lý đơn hàng (cập nhật trạng thái, xem danh sách đơn hàng).

+ Nếu Quản trị viên không có quyền hoặc thông tin không hợp lệ, hệ thống sẽ không hiện chức năng.

**USECASE Quản lý nhóm người dùng:**

**- Mục tiêu:** Cho phép Quản trị viên quản lý các nhóm người dùng trên hệ thống, bao gồm tạo mới, chỉnh sửa, xóa và thiết lập quyền hạn cho từng nhóm người dùng. Mỗi nhóm người dùng sẽ có quyền quản lý các chức năng cụ thể trên hệ thống

- **Actor:** Quản trị viên

- **Điều kiện tiên quyết:** Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống quản lý.

- **Dữ liệu đầu vào:**

+ Tên nhóm người dùng (bắt buộc)

+ Danh sách quyền hạn (bắt buộc)

- **Dòng sự kiện: (1)** Xem danh sách nhóm người dùng, hiển thị danh sách các nhóm người dùng hiện có, bao gồm thông tin: Tên nhóm, Quyền hạn, và các tùy chọn (Chỉnh sửa, Xóa). **(2)** Thêm mới nhóm người dùng, nhập thông tin bắt buộc cho nhóm người dùng, nhấn "Lưu" để hoàn tất quá trình thêm mới, hiển thị thông báo "Thêm nhóm người dùng thành công". **(3)** Chỉnh sửa nhóm người dùng, thay đổi thông tin cần thiết (Tên nhóm, quyền hạn), nhấn "Cập nhật" để lưu các thay đổi, hiển thị thông báo "Cập nhật nhóm người dùng thành công". **(4)** Xóa nhóm người dùng, chọn một hoặc nhiều nhóm người dùng cần xóa từ danh sách, Nhấn "Xóa" và xác nhận hành động khi hệ thống đưa ra câu hỏi xác nhận, kiểm tra xem nhóm người dùng có đang được sử dụng bởi bất kỳ người dùng nào không. Nếu không, hệ thống sẽ xóa nhóm người dùng và hiển thị thông báo "Xóa nhóm người dùng thành công", Nếu nhóm người dùng đang được sử dụng (ví dụ: có người dùng thuộc nhóm đó), hệ thống sẽ hiển thị thông báo "Không thể xóa nhóm người dùng vì đang được sử dụng".

- **Ngoại lệ: (1)** Nếu thông tin nhóm không đầy đủ hoặc không hợp lệ (ví dụ: thiếu Tên nhóm hoặc chưa chọn quyền hạn), hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Quản trị viên nhập lại thông tin chính xác. **(2)** Nếu nhóm người dùng đang được liên kết với bất kỳ người dùng nào, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi: "Không thể xóa nhóm người dùng vì đang được sử dụng". Quản trị viên cần chuyển người dùng sang nhóm khác trước khi xóa nhóm này.

- **Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Quản trị viên đã đăng nhập thành công vào hệ thống, các chức năng quản lý nhóm người dùng có thể được truy cập từ bảng điều khiển.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Quản trị viên có thể sử dụng các chức năng quản lý nhóm người dùng (thêm mới, chỉnh sửa, xóa, phân quyền, xem danh sách nhóm người dùng).

+ Thất bại: Nếu Quản trị viên không có quyền hoặc thông tin không hợp lệ, hệ thống sẽ không thực hiện được chức năng và hiển thị thông báo lỗi.

**USECASE Quản lý người dùng:**

**- Mục tiêu:**

- **Actor:** Quản trị viên

- **Điều kiện tiên quyết:** Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống quản lý.

- **Dữ liệu đầu vào:** + Id nhóm người dùng (bắt buộc)

+ Họ tên người dùng (bắt buộc)

+ Tên người dùng (bắt buộc)

+ Email (bắt buộc)

+ Password (bắt buộc)

+ Hình ảnh (không bắt buộc)

+ Trạng thái (tùy chọn)

- **Dòng sự kiện:** Hệ thống hiển thị danh sách người dùng hiện có, bao gồm các thông tin: Họ tên, Email, Nhóm người dùng, Trạng thái, Ngày tạo tài khoản, và các tùy chọn (Thêm, chỉnh sửa, Xóa). **(1)** Thêm mới người dùng, Nhập thông tin người dùng, Nhấn "Lưu" để hoàn tất quá trình thêm mới, Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu hợp lệ, hệ thống lưu người dùng và hiển thị thông báo "Thêm người dùng thành công". **(2)** Chỉnh sửa thông tin người dùng, chọn người dùng cần chỉnh sửa từ danh sách và nhấn "Chỉnh sửa", Nhấn "Cập nhật" để lưu các thay đổi, Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu hợp lệ, hệ thống cập nhật thông tin người dùng và hiển thị thông báo "Cập nhật người dùng thành công". **(3)** Xóa người dùng, chọn một hoặc nhiều người dùng cần xóa từ danh sách, Nhấn "Xóa" và xác nhận hành động khi hệ thống đưa ra câu hỏi xác nhận, Hệ thống kiểm tra xem người dùng có liên kết với các dữ liệu quan trọng hay không. Nếu không có liên kết, hệ thống sẽ xóa người dùng và hiển thị thông báo "Xóa người dùng thành công", Nếu người dùng đang được liên kết với các dữ liệu quan trọng (ví dụ: đơn hàng, bài viết), hệ thống sẽ hiển thị thông báo "Không thể xóa người dùng vì đang được sử dụng". **(4)** Phân quyền cho người dùng qua nhóm, Khi tạo mới hoặc chỉnh sửa người dùng, Quản trị viên có thể gán người dùng vào nhóm cụ thể (ví dụ: Admin, Editor, Customer), Nhóm người dùng sẽ quyết định quyền hạn của người dùng đó trên hệ thống

- **Ngoại lệ: (1)** Nếu thông tin người dùng không đầy đủ hoặc không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Quản trị viên nhập lại thông tin chính xác. **(2)** Nếu người dùng đang liên kết với các dữ liệu quan trọng hoặc được sử dụng trong hệ thống (ví dụ: có đơn hàng hoặc bài viết do người dùng tạo ra), hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi: "Không thể xóa người dùng vì đang liên kết với dữ liệu quan trọng".

- **Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Quản trị viên đã đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền truy cập vào các chức năng quản lý người dùng.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Quản trị viên có thể sử dụng các chức năng quản lý người dùng (thêm mới, chỉnh sửa, xóa, phân quyền, xem danh sách người dùng).

+ Thất bại: Nếu Quản trị viên không có quyền hoặc thông tin không hợp lệ, hệ thống sẽ không thực hiện được chức năng và hiển thị thông báo lỗi.

**USECASE Quản lý nhóm khách hàng:**

**- Mục tiêu:** Cho phép Quản trị viên quản lý các nhóm khách hàng theo hạng thành viên (ví dụ: Đồng, Bạc, Vàng, Kim Cương), giúp phân loại khách hàng và áp dụng các ưu đãi giá đặc biệt cho từng nhóm khi mua sản phẩm.

- **Actor:** Quản trị viên

- **Điều kiện tiên quyết:** Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống quản lý.

- **Dữ liệu đầu vào:**

+ Tên nhóm khách hàng (bắt buộc)

- **Dòng sự kiện:** Hệ thống hiển thị danh sách các nhóm khách hàng hiện có. (1) Thêm mới nhóm khách hàng, chọn "Thêm Nhóm Khách Hàng", Nhập các thông tin cần thiết cho nhóm khách hàng, Nhấn "Lưu" để hoàn tất quá trình thêm mới nhóm khách hàng, Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu hợp lệ, hệ thống lưu nhóm khách hàng và hiển thị thông báo "Thêm nhóm khách hàng thành công". (2) Chỉnh sửa nhóm khách hàng, chọn nhóm khách hàng cần chỉnh sửa từ danh sách và nhấn "Chỉnh sửa", Thay đổi các thông tin cần thiết, Nhấn "Cập nhật" để lưu các thay đổi, Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu hợp lệ, hệ thống cập nhật nhóm khách hàng và hiển thị thông báo "Cập nhật nhóm khách hàng thành công". (3) Xóa nhóm khách hàng, chọn một hoặc nhiều nhóm khách hàng cần xóa từ danh sách, Nhấn "Xóa" và xác nhận hành động khi hệ thống đưa ra câu hỏi xác nhận, Hệ thống kiểm tra xem nhóm khách hàng có liên kết với khách hàng nào không. Nếu không có, hệ thống sẽ xóa nhóm khách hàng và hiển thị thông báo "Xóa nhóm khách hàng thành công", Nếu nhóm khách hàng đang được liên kết với khách hàng, hệ thống sẽ hiển thị thông báo "Không thể xóa nhóm khách hàng vì đang được sử dụng".

- **Ngoại lệ: (1)** Nếu thông tin nhóm khách hàng không đầy đủ hoặc không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Quản trị viên nhập lại thông tin chính xác. **(2)** Không thể xóa nhóm khách hàng, nếu nhóm khách hàng đang được liên kết với các khách hàng hiện có, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi: "Không thể xóa nhóm khách hàng vì đang được sử dụng".

- **Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Quản trị viên đã đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền truy cập vào các chức năng quản lý nhóm khách hàng.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Quản trị viên có thể sử dụng các chức năng quản lý nhóm khách hàng (thêm mới, chỉnh sửa, xóa, xem danh sách nhóm khách hàng).

+ Thất bại: Nếu Quản trị viên không có quyền hoặc thông tin không hợp lệ, hệ thống sẽ không thực hiện được chức năng và hiển thị thông báo lỗi.

**USECASE Quản lý khách hàng:**

**- Mục tiêu:** Cho phép Quản trị viên quản lý khách hàng trên hệ thống, bao gồm thêm mới, chỉnh sửa, xóa, và xem danh sách khách hàng. Quản trị viên cũng có thể gán khách hàng vào các nhóm khách hàng (ví dụ: Đồng, Bạc, Vàng), để áp dụng các chính sách ưu đãi và phân loại khách hàng.

- **Actor:** Quản trị viên

- **Điều kiện tiên quyết:** Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống quản lý.

- **Dữ liệu đầu vào:**

+ ID nhóm khách hàng (bắt buộc)

+ Tên khách hàng (bắt buộc)

+ Email khách hàng (bắt buộc)

+ Password khách hàng (bắt buộc)

+ Status khách hàng (tùy chọn )

+ Hình ảnh khách hàng (không bắt buộc)

+ Số điện thoại khách hàng (không bắt buộc)

+ Địa chỉ khách hàng (không bắt buộc)

- **Dòng sự kiện:** Xem danh sách khách hàng, Hệ thống hiển thị danh sách khách hàng hiện có, bao gồm các thông tin: Tên khách hàng, Email, Nhóm khách hàng, Trạng thái, Ngày tạo tài khoản, và các tùy chọn (Chỉnh sửa, Xóa). **(1)** Thêm mới khách hàng, Nhập các thông tin cần thiết cho khách hàng, Nhấn "Lưu" để hoàn tất quá trình thêm mới khách hàng, Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu hợp lệ, hệ thống lưu thông tin khách hàng và hiển thị thông báo "Thêm khách hàng thành công". **(2)** Chỉnh sửa thông tin khách hàng, chọn khách hàng cần chỉnh sửa từ danh sách và nhấn "Chỉnh sửa", Thay đổi các thông tin cần thiết, Nhấn "Cập nhật" để lưu các thay đổi, Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu hợp lệ, hệ thống cập nhật thông tin khách hàng và hiển thị thông báo "Cập nhật khách hàng thành công". **(3)** Xóa khách hàng, Quản trị viên chọn một hoặc nhiều khách hàng cần xóa từ danh sách, Nhấn "Xóa" và xác nhận hành động khi hệ thống đưa ra câu hỏi xác nhận, Hệ thống kiểm tra xem khách hàng có liên kết với các dữ liệu quan trọng (ví dụ: đơn hàng lịch sử). Nếu không có liên kết quan trọng, hệ thống sẽ xóa khách hàng và hiển thị thông báo "Xóa khách hàng thành công", Nếu khách hàng có liên kết với các dữ liệu quan trọng, hệ thống sẽ hiển thị thông báo "Không thể xóa khách hàng vì có liên kết với các đơn hàng hoặc dữ liệu quan trọng khác". **(4)** Gán khách hàng vào nhóm, Khi tạo mới hoặc chỉnh sửa khách hàng, Quản trị viên có thể gán khách hàng vào một nhóm khách hàng cụ thể (ví dụ: Đồng, Bạc, Vàng), Nhóm khách hàng sẽ quyết định các ưu đãi hoặc chính sách đặc biệt mà khách hàng đó nhận được khi mua hàng (ví dụ: giảm giá, khuyến mãi).

- **Ngoại lệ: (1)** Nếu thông tin khách hàng không đầy đủ hoặc không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Quản trị viên nhập lại thông tin chính xác. **(2)** Gán khách hàng vào nhóm, Khi tạo mới hoặc chỉnh sửa khách hàng, Quản trị viên có thể gán khách hàng vào một nhóm khách hàng cụ thể (ví dụ: Đồng, Bạc, Vàng), Nhóm khách hàng sẽ quyết định các ưu đãi hoặc chính sách đặc biệt mà khách hàng đó nhận được khi mua hàng (ví dụ: giảm giá, khuyến mãi).

- **Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Quản trị viên đã đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền truy cập vào các chức năng quản lý khách hàng.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Quản trị viên có thể sử dụng các chức năng quản lý khách hàng (thêm mới, chỉnh sửa, xóa, xem danh sách khách hàng).

+ Thất bại: Nếu Quản trị viên không có quyền hoặc thông tin không hợp lệ, hệ thống sẽ không thực hiện được chức năng và hiển thị thông báo lỗi.

**USECASE Quản lý hình ảnh:**

**- Mục tiêu:** Hỗ trợ Quản trị viên trong việc quản lý hình ảnh trên hệ thống, bao gồm thêm mới, chỉnh sửa, xóa, và sắp xếp các hình ảnh như banner, logo, hình ảnh quảng cáo.

- **Actor:** Quản trị viên

- **Điều kiện tiên quyết:** Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống quản lý.

- **Dữ liệu đầu vào:**

+ Tên hình ảnh(bắt buộc)

+ Hình ảnh (bắt buộc)

+ Trạng thái (Tùy chọn)

+ Sắp xếp (không bắt buộc)

- **Dòng sự kiện: Xem danh sách hình ảnh, Hệ thống hiển thị danh sách các hình ảnh đã tải lên. (1)** Thêm mới hình ảnh, Nhập các thông tin cần thiết, Nhấn "Lưu" để hoàn tất quá trình thêm mới hình ảnh, Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu hợp lệ, hệ thống lưu hình ảnh và hiển thị thông báo "Thêm hình ảnh thành công". (2) Chỉnh sửa hình ảnh, chọn hình ảnh cần chỉnh sửa, Thay đổi các thông tin cần thiết, Nhấn "Cập nhật" để lưu các thay đổi, Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu hợp lệ, hệ thống cập nhật hình ảnh và hiển thị thông báo "Cập nhật hình ảnh thành công". (3) Xóa hình ảnh, chọn một hoặc nhiều hình ảnh cần xóa, Nhấn "Xóa" và xác nhận hành động khi hệ thống đưa ra câu hỏi xác nhận, Hệ thống xóa hình ảnh và hiển thị thông báo "Xóa hình ảnh thành công.

- **Ngoại lệ: (1)** Nếu dữ liệu không hợp lệ khi thêm mới hoặc chỉnh sửa, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi.

- **Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Quản trị viên đã đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền truy cập vào chức năng quản lý hình ảnh.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Quản trị viên có thể sử dụng các chức năng quản lý hình ảnh (thêm mới, chỉnh sửa, xóa, sắp xếp, kích hoạt/tạm dừng hiển thị).

+ Thất bại: Nếu Quản trị viên không có quyền hoặc thông tin không hợp lệ, hệ thống sẽ không thực hiện được chức năng và hiển thị thông báo lỗi.

**USECASE Quản lý bình luận:**

**- Mục tiêu:** Cho phép Quản trị viên quản lý các bình luận của khách hàng trên sản phẩm, bao gồm việc xem, xóa bình luận cũng như cập nhật trạng thái bình luận (duyệt hoặc tạm ẩn).

- **Actor:** Quản trị viên

- **Điều kiện tiên quyết:** Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống quản lý.

- **Dữ liệu đầu vào:**

+ ID sản phẩm(bắt buộc)

+ ID khách hàng (bắt buộc)

+ nội dung bình luận (bắt buộc)

+ Lượt đánh giá (tùy chọn)

+ Trạng thái (tùy chọn)

- **Dòng sự kiện:** Hệ thống hiển thị danh sách các bình luận của khách hàng, bao gồm các thông tin. (1) Xóa bình luận, Quản trị viên chọn một hoặc nhiều bình luận cần xóa từ danh sách, Nhấn "Xóa" và xác nhận hành động khi hệ thống đưa ra câu hỏi xác nhận, Hệ thống xóa bình luận và hiển thị thông báo "Xóa bình luận thành công". (2) Tạm ẩn bình luận, Quản trị viên có thể tạm ẩn bình luận nếu bình luận có nội dung không phù hợp hoặc cần đánh giá lại.

- **Ngoại lệ:** Nếu có ràng buộc hoặc liên kết quan trọng (ví dụ: bình luận được sử dụng trong báo cáo doanh thu hoặc thống kê), hệ thống sẽ ngăn cản thao tác xóa và hiển thị thông báo "Không thể xóa bình luận vì có liên kết quan trọng".

- **Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Quản trị viên đã đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền truy cập vào các chức năng quản lý bình luận.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Quản trị viên có thể sử dụng các chức năng quản lý bình luận ( xóa, ẩn, xem danh sách bình luận).

+ Thất bại: Nếu Quản trị viên không có quyền hoặc thông tin không hợp lệ, hệ thống sẽ không thực hiện được chức năng và hiển thị thông báo lỗi.

**USECASE Quản lý mã giảm giá:**

**- Mục tiêu:** Cung cấp cho Quản trị viên khả năng quản lý các mã giảm giá (coupon) trên hệ thống, bao gồm việc thêm mới, chỉnh sửa, xóa và xem danh sách mã giảm giá. Quản trị viên cũng có thể kích hoạt hoặc tạm dừng các mã giảm giá.

- **Actor:** Quản trị viên

- **Điều kiện tiên quyết:** Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống quản lý.

- **Dữ liệu đầu vào:**

+ Tên mã giảm giá(bắt buộc)

+ Mã code giảm giá (bắt buộc)

+ Loại giảm giá (bắt buộc)

+ Tổng tiền (tùy chọn)

+ Giảm giá (tùy chọn)

+ Trạng thái (tùy chọn)

- **Dòng sự kiện:** Xem danh sách mã giảm giá, Hệ thống hiển thị danh sách các mã giảm giá hiện có, bao gồm các thông tin: Tên mã giảm giá, Mã code, Loại giảm giá, Tổng tiền yêu cầu (nếu có), Giảm giá, Trạng thái, và các tùy chọn (Chỉnh sửa, Xóa). **(1)** Thêm mới mã giảm giá, Nhập các thông tin cần thiết, Nhấn "Lưu" để hoàn tất quá trình thêm mới mã giảm giá, Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu hợp lệ, hệ thống lưu mã giảm giá và hiển thị thông báo "Thêm mã giảm giá thành công".

1. Chỉnh sửa mã giảm giá, chọn mã giảm giá cần chỉnh sửa, Thay đổi các thông tin cần thiết, Nhấn "Cập nhật" để lưu các thay đổi, hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu hợp lệ, hệ thống cập nhật mã giảm giá và hiển thị thông báo "Cập nhật mã giảm giá thành công". (3) Xóa mã giảm giá, chọn một hoặc nhiều mã giảm giá cần xóa, Nhấn "Xóa" và xác nhận hành động khi hệ thống đưa ra câu hỏi xác nhận., Hệ thống sẽ xóa mã giảm giá và hiển thị thông báo "Xóa mã giảm giá thành công". (4) Quản trị viên có thể kích hoạt hoặc tạm dừng việc sử dụng của mã giảm giá thông qua việc thay đổi trạng thái của mã. Khi mã giảm giá ở trạng thái "Tạm dừng", khách hàng sẽ không thể sử dụng mã này khi thanh toán. Khi mã giảm giá được đặt lại trạng thái "Kích hoạt", mã sẽ có thể được sử dụng lại.

- **Ngoại lệ: (1)** Nếu không có Tên mã giảm giá, Mã code hoặc Loại giảm giá, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Quản trị viên nhập lại thông tin chính xác. Nếu mã code đã tồn tại hoặc không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo yêu cầu nhập lại mã code mới. **(2)** Nếu mã giảm giá đang được liên kết với các đơn hàng hoặc chiến dịch khuyến mãi hiện tại, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi: "Không thể xóa mã giảm giá vì đang được liên kết với các đơn hàng hiện tại". Quản trị viên phải dừng các liên kết trước khi xóa.

- **Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Quản trị viên đã đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền truy cập vào các chức năng quản lý mã giảm giá.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Quản trị viên có thể sử dụng các chức năng quản lý khách hàng (thêm mới, chỉnh sửa, xóa, xem danh sách mã giảm giá).

+ Thất bại: Nếu Quản trị viên không có quyền hoặc thông tin không hợp lệ, hệ thống sẽ không thực hiện được chức năng và hiển thị thông báo lỗi.

**USECASE Quản lý danh mục bài viết:**

**- Mục tiêu:** Cho phép Quản trị viên quản lý danh mục bài viết trên hệ thống, bao gồm các thao tác như thêm mới, chỉnh sửa, xóa và xem danh sách các danh mục bài viết. Các danh mục này sẽ giúp phân loại các bài viết trên hệ thống theo chủ đề.

- **Actor:** Quản trị viên

- **Điều kiện tiên quyết:** Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống quản lý.

- **Dữ liệu đầu vào:**

+ Tên danh mục bài viết(bắt buộc)

+ ID danh muc bài viết cha con (bắt buộc)

+ Hình ảnh danh mục bài viết (bắt buộc)

- **Dòng sự kiện:** Xem danh sách danh mục bài viết, Hệ thống hiển thị danh sách các danh mục bài viết hiện có. **(1)** Thêm mới danh mục bài viết, Nhập các thông tin cần thiết, Nhấn "Lưu" để hoàn tất quá trình thêm mới danh mục, Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu hợp lệ, hệ thống lưu danh mục bài viết và hiển thị thông báo "Thêm danh mục bài viết thành công". **(2)**

Chỉnh sửa danh mục bài viết, Thay đổi các thông tin cần thiết, Nhấn "Cập nhật" để lưu các thay đổi, Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu hợp lệ, hệ thống cập nhật danh mục và hiển thị thông báo "Cập nhật danh mục bài viết thành công". **(3)** Xóa danh mục bài viết, Quản trị viên chọn một hoặc nhiều danh mục cần xóa từ danh sách, Nhấn "Xóa" và xác nhận hành động khi hệ thống đưa ra câu hỏi xác nhận, Hệ thống kiểm tra xem danh mục có chứa bài viết hoặc liên kết với dữ liệu khác hay không. Nếu không, hệ thống sẽ xóa danh mục và hiển thị thông báo "Xóa danh mục bài viết thành công", Nếu danh mục đang chứa các bài viết, hệ thống sẽ hiển thị thông báo "Không thể xóa danh mục vì đang chứa bài viết" và yêu cầu Quản trị viên di chuyển hoặc xóa các bài viết trước.

- **Ngoại lệ: (1)**

- **Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Quản trị viên đã đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền truy cập vào các chức năng quản lý danh mục bài viết.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Quản trị viên có thể sử dụng các chức năng quản lý danh mục bài viết (thêm mới, chỉnh sửa, xóa, xem danh sách danh mục bài viết).

+ Thất bại: Nếu Quản trị viên không có quyền hoặc thông tin không hợp lệ, hệ thống sẽ không thực hiện được chức năng và hiển thị thông báo lỗi.

**USECASE Quản lý bài viết:**

**- Mục tiêu:** Cho phép Quản trị viên quản lý các bài viết trên hệ thống, bao gồm việc thêm mới, chỉnh sửa, xóa, và xem danh sách các bài viết. Quản trị viên cũng có thể thay đổi trạng thái bài viết (kích hoạt, tạm dừng) và sắp xếp thứ tự hiển thị của bài viết.

- **Actor:** Quản trị viên

- **Điều kiện tiên quyết:** Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống quản lý.

- **Dữ liệu đầu vào:**

+ ID danh mục bài viết(bắt buộc)

+ Hình ảnh bài viết (không bắt buộc)

+ Tiêu đề bài viết (bắt buộc)

+ Nội dung bài viêt (tùy chọn)

+ Sắp xếp (không bắt buộc)

+ Trạng thái (tùy chọn)

- **Dòng sự kiện: Xem danh sách bài viết, Hệ thống hiển thị danh sách các bài viết hiện có, bao gồm các thông tin. (1)** Thêm mới bài viết, Nhập các thông tin cần thiết, Nhấn "Lưu" để hoàn tất quá trình thêm mới bài viết, Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu hợp lệ, hệ thống lưu bài viết và hiển thị thông báo "Thêm bài viết thành công". **(2)** Chỉnh sửa bài viết, Thay đổi các thông tin cần thiết, Nhấn "Cập nhật" để lưu các thay đổi, Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu hợp lệ, hệ thống cập nhật bài viết và hiển thị thông báo "Cập nhật bài viết thành công". **(3)** Xóa bài viết, chọn một hoặc nhiều bài viết cần xóa từ danh sách, Nhấn "Xóa" và xác nhận hành động khi hệ thống đưa ra câu hỏi xác nhận, Hệ thống xóa bài viết và hiển thị thông báo "Xóa bài viết thành công".

- **Ngoại lệ: (1)** Nếu Quản trị viên nhập thiếu thông tin bắt buộc như Tiêu đề bài viết hoặc ID danh mục bài viết, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Quản trị viên nhập lại thông tin chính xác. **(2)** Nếu bài viết đang liên kết với các dữ liệu quan trọng hoặc được sử dụng trong các chiến dịch hoặc nội dung khác, hệ thống sẽ ngăn cản thao tác xóa và hiển thị thông báo lỗi: "Không thể xóa bài viết vì đang được liên kết với dữ liệu khác".

- **Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Quản trị viên đã đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền truy cập vào các chức năng quản lý bài viết.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Quản trị viên có thể sử dụng các chức năng quản lý bài viết (thêm mới, chỉnh sửa, xóa, xem danh sách bài viết).

+ Thất bại: Nếu Quản trị viên không có quyền hoặc thông tin không hợp lệ, hệ thống sẽ không thực hiện được chức năng và hiển thị thông báo lỗi.

**USECASE Quản lý giỏ hàng:**

**- Mục tiêu:** Cung cấp cho quản trị viên khả năng xem, tìm kiếm, phân trang và thống kê các giỏ hàng của khách hàng trong hệ thống. Điều này giúp quản trị viên theo dõi và quản lý hiệu quả các hoạt động mua sắm, từ đó hỗ trợ việc ra quyết định kinh doanh chính xác.

- **Actor:** Quản trị viên

- **Điều kiện tiên quyết:** Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống quản lý.

- **Dữ liệu đầu vào:**

+ ID khách hàng (bắt buộc)

+ ID sản phẩm (không bắt buộc)

+ Số lượng (bắt buộc)

- **Dòng sự kiện:** Hiển thị danh sách giỏ hàng, Hệ thống hiển thị danh sách các giỏ hàng hiện có trong hệ thống theo mặc định.

- **Ngoại lệ:** Hệ thống hiển thị thông báo "Không tìm thấy giỏ hàng nào phù hợp với tiêu chí tìm kiếm."

- **Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Hệ thống đang hoạt động bình thường với dữ liệu giỏ hàng được cập nhật.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Quản trị viên đã xem được danh sách giỏ hàng, thực hiện tìm kiếm, phân trang, và xem các thống kê liên quan một cách hiệu quả.

+ Thất bại: Nếu Quản trị viên không có quyền hoặc thông tin không hợp lệ, hệ thống sẽ không thực hiện được chức năng và hiển thị thông báo lỗi.

**USECASE thống kê dashboard:**

**- Mục tiêu:** Cung cấp cho quản trị viên một giao diện tổng quan để theo dõi và phân tích các số liệu quan trọng của hệ thống như số lượng người dùng, đơn hàng, doanh thu, v.v., giúp hỗ trợ việc ra quyết định quản lý hiệu quả.

- **Actor:** Quản trị viên

- **Điều kiện tiên quyết:** Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống quản lý.

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Hệ thống đang hoạt động bình thường và có sẵn dữ liệu thống kê.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Hệ thống hiển thị dashboard thống kê với các biểu đồ và số liệu chi tiết theo yêu cầu.

+ Thất bại: Quản trị viên không thể xem thống kê và có thể cần thực hiện hành động khác hoặc liên hệ bộ phận hỗ trợ.

**3.3.2 CHI TIẾT USECASE DÀNH CHO GUEST CLIENT**

**USECASE Đăng Ký:**

**- Mục tiêu:** Cho phép người dùng mới tạo tài khoản thành viên trên hệ thống, cung cấp thông tin cần thiết để đăng nhập và sử dụng các dịch vụ được cung cấp bởi hệ thống. Việc đăng ký tài khoản giúp cá nhân hóa trải nghiệm người dùng, cho phép truy cập vào các tính năng và nội dung dành riêng cho thành viên.

- **Actor:** Người dùng (Thành viên mới): Người muốn đăng ký tài khoản trên hệ thống.

- **Điều kiện tiên quyết:** Người dùng chưa có tài khoản trên hệ thống.

- **Dữ liệu đầu vào:**

+ Địa chỉ email (bắt buộc)

+ Mật khẩu (bắt buộc)

+ Xác nhận mật khẩu (bắt buộc)

- **Dòng sự kiện:**

1. Truy cập trang đăng ký, **(2)** Hệ thống hiển thị biểu mẫu đăng ký yêu cầu người dùng nhập thông tin cần thiết, **(3)** Người dùng điền vào các trường thông tin bắt buộc, **(4)** Người dùng nhấn vào nút "Đăng ký", **(5)** Hệ thống kiểm tra các thông tin người dùng đã nhập, (6) Nếu thông tin hợp lệ, Hệ thống tạo một tài khoản mới với thông tin người dùng cung cấp. Nếu thông tin không hợp lệ, Hệ thống hiển thị các thông báo lỗi tương ứng bên dưới các trường thông tin cần chỉnh sửa.

- **Ngoại lệ:**

+ Thiếu thông tin bắt buộc: Người dùng bỏ trống một hoặc nhiều trường thông tin bắt buộc, Hệ thống thông báo "Vui lòng điền đầy đủ thông tin" và đánh dấu các trường cần bổ sung.

+ Định dạng email không hợp lệ: Hệ thống hiển thị thông báo "Email không hợp lệ, vui lòng kiểm tra lại."

+ Mật khẩu không trùng khớp: Hệ thống thông báo "Mật khẩu và xác nhận mật khẩu không trùng khớp."

+ Email đã tồn tại: Hệ thống thông báo "Email này đã được đăng ký, vui lòng sử dụng email khác hoặc tiến hành khôi phục mật khẩu nếu bạn quên mật khẩu."

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Hệ thống đang hoạt động bình thường và sẵn sàng tiếp nhận đăng ký mới.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Tài khoản mới của người dùng được tạo thành công trong hệ thống.

+ Thất bại: Tài khoản không được tạo do lỗi hoặc thông tin không hợp lệ. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi chi tiết cho người dùng.

**USECASE Xem Thông Tin Sản Phẩm:**

**- Mục tiêu:** Cho phép người dùng xem thông tin chi tiết của một sản phẩm cụ thể.

- **Actor:** Khách hàng (Người dùng đã đăng nhập hoặc chưa đăng nhập đều có thể xem thông tin sản phẩm)

- **Điều kiện tiên quyết:** Sản phẩm cần xem phải tồn tại trong hệ thống.

- **Dòng sự kiện:** Người dùng chọn một sản phẩm từ danh mục sản phẩm, trang chủ, hoặc kết quả tìm kiếm.

- **Ngoại lệ:** Sản phẩm không tồn tại: Hệ thống hiển thị thông báo "Sản phẩm không tồn tại" hoặc hết hàng.

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Hệ thống đang hoạt động bình thường.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Thông tin chi tiết của sản phẩm được hiển thị đầy đủ và chính xác cho người dùng.

+ Thất bại: Hệ thống không thể hiển thị thông tin sản phẩm do lỗi hoặc sản phẩm không tồn tại.

**USECASE Tìm kiếm Sản Phẩm:**

**- Mục tiêu:** Cho phép người dùng tìm kiếm sản phẩm theo từ khóa.

- **Actor:** Khách hàng (Người dùng đã đăng nhập hoặc chưa đăng nhập đều có thể tìm kiếm sản phẩm).

- **Điều kiện tiên quyết:** Người dùng đang truy cập trang web.

- **Dữ liệu đầu vào:** Từ khóa tìm kiếm.

- **Dòng sự kiện:** Người dùng nhập từ khóa tìm kiếm vào ô tìm kiếm, Người dùng nhấn nút "Tìm kiếm", Hệ thống nhận dữ liệu đầu vào, Hệ thống tìm kiếm sản phẩm trong cơ sở dữ liệu dựa trên dữ liệu đầu vào, Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm

- **Ngoại lệ:** Không tìm thấy sản phẩm phù hợp hệ thống hiển thị thông báo "Không tìm thấy sản phẩm phù hợp" và có thể gợi ý một số từ khóa khác.

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Hệ thống đang hoạt động bình thường.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Danh sách sản phẩm phù hợp với từ khóa hiển thị cho người dùng.

+ Thất bại: Danh sách sản phẩm phù hợp với từ khóa và bộ lọc được hiển thị cho người dùng.

**USECASE Xem Bài Viết:**

**- Mục tiêu:** Cho phép người dùng xem nội dung chi tiết của một bài viết trên hệ thống.

- **Actor:** Khách truy cập (Người dùng đã đăng nhập hoặc chưa đăng nhập đều có thể xem bài viết).

- **Điều kiện tiên quyết:** Bài viết cần xem phải tồn tại trong hệ thống.

- **Dòng sự kiện: (**1) Người dùng chọn một bài viết từ danh mục bài viết, (2) hệ thống nhận diện id bài viết được người dùng lựa chọn, (3) hệ thống truy xuất nội dung chi tiết của bài viết từ cơ sở dữ liệu, (4) hệ thống hiển thị trang chi tiết bài viết.

- **Ngoại lệ:** Bài viết không tồn tại: Hệ thống hiển thị thông báo "Bài viết không tồn tại".

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:**  Hệ thống đang hoạt động bình thường.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Nội dung chi tiết của bài viết được hiển thị đầy đủ và chính xác cho người dùng.

+ Thất bại: Hệ thống không thể hiển thị bài viết do lỗi, bài viết không tồn tại. Thông báo lỗi tương ứng được hiển thị cho người dùng.

**USECASE Thêm Vào Giỏ Hàng:**

**- Mục tiêu:** Cho phép người dùng thêm sản phẩm vào giỏ hàng để chuẩn bị cho việc mua hàng.

- **Actor:** Khách hàng dành cho khách vãng lai và không yêu cầu đăng nhập.

- **Điều kiện tiên quyết:** Sản phẩm cần thêm phải tồn tại trong hệ thống.

- **Dữ liệu đầu vào:** ID sản phẩm

- **Dòng sự kiện:** (1) người dùng xem thông tin chi tiết của một sản phẩm, (2) người dùng nhấn nút "Thêm vào giỏ hàng", (3) Hệ thống nhận dữ liệu đầu vào (ID sản phẩm và số lượng) (4) hệ thống tiến hành lưu sản phẩm trong giỏ hàng vào cookie, (5) Nếu sản phẩm hợp lệ, hiển thị thông báo xác nhận sản phẩm đã được thêm vào giỏ hàng, (6) Nếu sản phẩm không hợp lệ, hiển thị thông báo lỗi "Sản phẩm đã hết hàng".

- **Ngoại lệ:** Sản phẩm đã hết hàng hệ thống hiển thị thông báo "Sản phẩm đã hết hàng".

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Hệ thống đang hoạt động bình thường. Giỏ hàng (lưu trong cookie) có thể trống hoặc đã có sản phẩm.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Sản phẩm được thêm vào giỏ hàng thành công. Giỏ hàng (lưu trong cookie) được cập nhật với sản phẩm mới và số lượng tương ứng.

+ Thất bại: Sản phẩm không được thêm vào giỏ hàng do lỗi hoặc sản phẩm không hợp lệ. Thông báo lỗi tương ứng được hiển thị cho người dùng. Giỏ hàng (lưu trong cookie) giữ nguyên.

**USECASE Thanh Toán Cho Khách Vãng Lai:**

**- Mục tiêu:** Cho phép khách vãng lai (người dùng chưa đăng nhập) thực hiện thanh toán đơn hàng.

- **Actor:** Khách vãng lai

- **Điều kiện tiên quyết: (1)** Khách vãng lai đã thêm sản phẩm vào giỏ hàng. (2) Hệ thống hỗ trợ thanh toán cho khách vãng lai.

- **Dữ liệu đầu vào: (1)** Thông tin giao hàng như họ tên, số điện thoại, địa chỉ email, địa chỉ nhận hàng. (2) Phương thức thanh toán (ví dụ: tiền mặt khi nhận hàng, thanh toán qua momo, thanh toán qua vnpay)

- **Dòng sự kiện:** (1) Khách thêm sản phẩm vào giỏ hàng, (2) khách tiến hàng truy cập giỏ hàng và thực hiện tăng giảm số lượng nếu cần, (3) Khách tiến hành nhấn nút thanh toán, (5) Chuyển đến trang thanh toán và yêu cầu nhập thông tin giao hàng vào biểu mẫu form, (6) khách tiến hành chọn phương thức thanh toán, (7) khách tiến hành nhấn nút “Hoàn tất đơn hàng “.

1. Nếu thông tin hợp lệ, Hệ thống tạo đơn hàng mới với trạng thái "Chờ xử lý". (9) Hệ thống chuyển hướng khách vãng lai đến trang đơn hàng hiển thị thông tin đơn hàng vừa mới đặt xong. (10) Nếu thông tin không hợp lệ, hiển thị thông báo lỗi tương ứng (ví dụ: "Vui lòng nhập đầy đủ thông tin giao hàng", "Phương thức thanh toán không hợp lệ").

- **Ngoại lệ: (1)** Giỏ hàng trống hệ thống hiển thị thông báo "Giỏ hàng của bạn đang trống" và chuyển hướng khách vãng lai đến trang chủ hoặc trang sản phẩm.

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Hệ thống đang hoạt động bình thường. Giỏ hàng của khách vãng lai chứa sản phẩm.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Đơn hàng được tạo thành công. Giỏ hàng được làm trống.

+ Thất bại: Đơn hàng không được tạo do lỗi hoặc thông tin không hợp lệ. Thông báo lỗi tương ứng được hiển thị cho khách vãng lai. Giỏ hàng vẫn giữ nguyên.

**3.3.3 CHI TIẾT USECASE DÀNH CHO MEMBER CLIENT**

**USECASE Bình Luận Sản Phẩm:**

**- Mục tiêu:** Cho phép người dùng chia sẻ đánh giá, nhận xét về sản phẩm, góp phần tạo cộng đồng tương tác và cung cấp thông tin cho người mua hàng khác.

- **Actor:** Người dùng đăng nhập

- **Điều kiện tiên quyết:** Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống

- **Dữ liệu đầu vào:** Nội dung bình luận hoặc đánh giá của người dùng.

- **Dòng sự kiện:** (1) Người dùng truy cập trang chi tiết của sản phẩm, (2) Người dùng nhấp vào khu vực "Viết bình luận" hoặc "Đánh giá sản phẩm", (3) Hệ thống hiển thị biểu mẫu cho phép nhập nội dung bình luận và đánh giá, (4) Người dùng nhập nội dung bình luận, chọn số sao và gửi biểu mẫu, (5) Nếu nội dung hợp lệ, hệ thống lưu bình luận vào cơ sở dữ liệu, (6) Nếu nội dung vi phạm chính sách (như chứa ngôn ngữ không phù hợp), hệ thống thông báo lỗi, (7) cập nhật và hiển thị bình luận của người dùng trên trang sản phẩm.

- **Ngoại lệ:** Người dùng chưa đăng nhập chuyển hướng đến trang đăng nhập

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Người dùng chưa đăng bình luận về sản phẩm này

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Bình luận của người dùng được đăng tải và hiển thị trên trang sản phẩm.

+ Thất bại: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi chi tiết và hướng dẫn người dùng chỉnh sửa hoặc thử lại.

**USECASE Sản Phẩm Yêu Thích:**

**- Mục tiêu:** Cho phép người dùng lưu trữ các sản phẩm yêu thích để dễ dàng truy cập và xem lại trong tương lai, hỗ trợ quá trình mua sắm và quản lý sản phẩm quan tâm.

- **Actor:** Người dùng đã đăng nhập

- **Điều kiện tiên quyết:** Sản phẩm tồn tại và có sẵn trên hệ thống

- **Dữ liệu đầu vào:** ID sản phẩm

- **Dòng sự kiện:** (1) Người dùng truy cập trang chi tiết của sản phẩm mà họ quan tâm, (2) Người dùng nhấp vào nút "Thêm vào yêu thích" hoặc biểu tượng tương ứng, (3) Hệ thống nhận yêu cầu và xác minh rằng người dùng đã đăng nhập, (4) Hệ thống kiểm tra xem sản phẩm đã có trong danh sách yêu thích của người dùng chưa, (5) Nếu đã có, thông báo cho người dùng rằng sản phẩm đã được thêm trước đó, nếu chưa thì tiến hành thêm vào, (6) Hệ thống thêm sản phẩm vào danh sách yêu thích của người dùng trong cơ sở dữ liệu.

- **Ngoại lệ:** (1) Người dùng chưa đăng nhập, Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu người dùng đăng nhập để sử dụng chức năng này.

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:**  Danh sách yêu thích của người dùng không chứa sản phẩm được chọn

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: (1) Sản phẩm được thêm vào danh sách yêu thích của người dùng trong cơ sở dữ liệu. (2) Người dùng có thể xem lại sản phẩm này trong mục "Sản phẩm yêu thích" của mình.

+ Thất bại: Sản phẩm không được thêm vào danh sách yêu thích do lỗi hệ thống hoặc thông tin không hợp lệ.

**USECASE Quên Mật khẩu:**

**- Mục tiêu:** Cho phép người dùng đặt lại mật khẩu khi quên, đảm bảo họ có thể truy cập lại tài khoản.

- **Actor: Người dùng**

- **Điều kiện tiên quyết: Người dùng đã có tài khoản trong hệ thống.**

- **Dữ liệu đầu vào:** Địa chỉ email đã đăng ký với tài khoản.

- **Dòng sự kiện:** (1) Người dùng nhấp vào liên kết "Quên mật khẩu" trên trang đăng nhập, (2) Hệ thống hiển thị biểu mẫu yêu cầu nhập email, (3) Người dùng nhập thông tin yêu cầu và gửi biểu mẫu, (4) Hệ thống kiểm tra thông tin, Nếu thông tin hợp lệ, hệ thống gửi email chứa mã xác nhận, Nếu thông tin không hợp lệ, hệ thống thông báo lỗi cho người dùng, (5) Người dùng nhận được email hoặc tin nhắn và nhấp vào liên kết hoặc nhập mã xác nhận, (6) Hệ thống hiển thị trang cho phép người dùng đặt mật khẩu mới, (7) Người dùng nhập và xác nhận mật khẩu mới, sau đó gửi biểu mẫu, (8) Hệ thống cập nhật mật khẩu mới cho tài khoản của người dùng và thông báo thành công.

- **Ngoại lệ:** Email không tồn tại trong hệ thống và thông báo rằng tài khoản không tồn tại và đề nghị kiểm tra lại thông tin

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện : (1)** Người dùng không thể đăng nhập vì đã quên mật khẩu. **(2)** Tài khoản người dùng đang trong trạng thái bình thường, chưa có yêu cầu đặt lại mật khẩu.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: (1) Mật khẩu của người dùng được đặt lại thành công. (2) Người dùng có thể đăng nhập vào hệ thống bằng mật khẩu mới.

+ Thất bại: Mật khẩu không được đặt lại do lỗi hoặc thông tin không hợp lệ.

**USECASE Đăng Nhập :**

**- Mục tiêu:** Cho phép người dùng truy cập vào tài khoản cá nhân của họ trên hệ thống bằng cách xác thực thông tin đăng nhập.

- **Actor:** Người dùng

- **Điều kiện tiên quyết: (1)** Người dùng đã có tài khoản hợp lệ trong hệ thống. (2) Hệ thống đang hoạt động và có khả năng xử lý yêu cầu đăng nhập.

- **Dữ liệu đầu vào:** Địa chỉ email và mật khẩu của người dùng.

- **Dòng sự kiện:** (1) Người dùng truy cập trang đăng nhập, (2) hiển thị biểu mẫu yêu cầu nhập email và mật khẩu, (3) nhấp vào nút "Đăng nhập" để gửi thông tin, (4) Kiểm tra xem email có tồn tại trong hệ thống không Kiểm tra xem mật khẩu có khớp với tài khoản không, Nếu thông tin xác thực hợp lệ Hệ thống tạo phiên làm việc Chuyển hướng người dùng đến trang chủ hoặc trang mà họ yêu cầu.

- **Ngoại lệ:** (1) email không tồn tại hệ thống thông báo rằng email không hợp lệ và yêu cầu người dùng kiểm tra lại hoặc đăng ký tài khoản mới. (2) Mật khẩu không chính xác thông báo rằng mật khẩu không đúng và cho phép người dùng nhập lại. Sau một số lần thất bại, hệ thống có thể cung cấp tùy chọn "Quên mật khẩu". (3) Tài khoản bị khóa hoặc tạm ngưng, thông báo về trạng thái tài khoản và hướng dẫn người dùng liên hệ bộ phận hỗ trợ.

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:**Người dùng chưa đăng nhập vào hệ thống. Tài khoản người dùng tồn tại trong hệ thống

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Người dùng được xác thực và đăng nhập thành công. Phiên làm việc được thiết lập, lưu trữ thông tin người dùng.

+ Thất bại: Người dùng không thể đăng nhập do thông tin không hợp lệ hoặc lỗi hệ thống.

**USECASE Tài Khoản Của Tôi:**

**- Mục tiêu:** Cho phép người dùng xem và quản lý thông tin tài khoản cá nhân của họ, bao gồm thông tin cá nhân, đơn hàng, cài đặt tài khoản và các tùy chọn khác.

- **Actor:** Người dùng đã đăng nhập

- **Điều kiện tiên quyết:** Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống.

- **Dữ liệu đầu vào:** (1) Thông tin tài khoản hiện tại của người dùng. (2) Dữ liệu cập nhật mà người dùng nhập.

- **Dòng sự kiện:** (1) Người dùng chọn mục "Tài Khoản Của Tôi" từ menu, (2) Hệ thống hiển thị trang tổng quan tài khoản, bao gồm thông tin cá nhân, lịch sử đơn hàng, cài đặt và các tùy chọn khác. (3) Người dùng xem thông tin tài khoản của mình.

- **Ngoại lệ:** Người dùng chưa đăng nhập chuyển hướng đến trang đăng nhập và yêu cầu người dùng đăng nhập trước khi truy cập "Tài Khoản Của Tôi".

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:**Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Người dùng đã xem thông tin tài khoản của mình thành công.

+ Thất bại: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi chi tiết cho người dùng, chỉ rõ các vấn đề cần khắc phục.

**USECASE Chỉnh Sửa Thông Tin:**

**- Mục tiêu:** Cho phép người dùng cập nhật và chỉnh sửa thông tin cá nhân trên hệ thống để thông tin luôn chính xác và cập nhật.

- **Actor:** Người dùng đã đăng nhập

- **Điều kiện tiên quyết:** Thông tin cá nhân hiện tại của người dùng đã được lưu trong hệ thống.

- **Dữ liệu đầu vào:** Thông tin cá nhân cần chỉnh sửa, họ tên, email, số điện thoại, địa chỉ…

- **Dòng sự kiện:** (1) Người dùng truy cập vào phần "Tài Khoản Của Tôi" và chọn "Chỉnh Sửa Thông Tin", (2) hiển thị biểu mẫu chứa thông tin cá nhân hiện tại của người dùng, (3) tiến hành chỉnh sửa các thông tin mong muốn trên biểu mẫu, (4) Sau khi hoàn tất, người dùng nhấn nút "Lưu" hoặc "Cập Nhật", (5) Hệ thống lưu các thông tin đã cập nhật vào cơ sở dữ liệu. (6) Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận rằng thông tin cá nhân đã được cập nhật thành công.

- **Ngoại lệ: (1)** Dữ liệu nhập vào không hợp lệ hiển thị thông báo lỗi cụ thể bên cạnh trường thông tin sai và yêu cầu người dùng chỉnh sửa. (2) Lỗi hệ thống khi lưu thông tin Hệ thống thông báo lỗi và đề nghị người dùng thử lại sau.

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Thông tin cá nhân của người dùng được lưu trữ trong hệ thống với dữ liệu cũ.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Thông tin cá nhân của người dùng được cập nhật thành công trong hệ thống. Người dùng có thể thấy các thông tin mới khi truy cập lại phần thông tin cá nhân.

+ Thất bại: Thông tin không được cập nhật do lỗi hoặc dữ liệu không hợp lệ.

**USECASE Xem Lịch Sử Đặt Hàng:**

**- Mục tiêu:** Cho phép người dùng xem lại các đơn hàng đã đặt, theo dõi trạng thái và chi tiết của từng đơn hàng.

- **Actor:** Người dùng đã đăng nhập

**- Điều kiện tiên quyết:** Người dùng đã từng đặt hàng trên hệ thống (nếu không, sẽ hiển thị thông báo chưa có đơn hàng).

- **Dòng sự kiện:** (1) Người dùng truy cập vào phần "Tài Khoản Của Tôi" và chọn "Lịch Sử Đặt Hàng", (2) Hệ thống truy xuất danh sách các đơn hàng của người dùng từ cơ sở dữ liệu, (3) Hệ thống hiển thị danh sách đơn hàng.

- **Ngoại lệ:** Không có đơn hàng nào trong lịch sử thông báo rằng người dùng chưa có đơn hàng nào và khuyến khích họ bắt đầu mua sắm.

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:**  Lịch sử đơn hàng của người dùng được lưu trữ trong hệ thống.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Hệ thống hiển thị thành công lịch sử đặt hàng của người dùng. Người dùng có thể xem chi tiết và theo dõi trạng thái các đơn hàng.

+ Thất bại: Lịch sử đặt hàng không được hiển thị do lỗi hệ thống hoặc thông tin không hợp lệ. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi chi tiết cho người dùng.

**USECASE Đổi Mật Khẩu:**

**- Mục tiêu:** Cho phép người dùng thay đổi mật khẩu tài khoản để tăng cường bảo mật hoặc khi họ muốn cập nhật thông tin đăng nhập.

- **Actor:** Người dùng đã đăng nhập

- **Điều kiện tiên quyết:** Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống.

- **Dữ liệu đầu vào:** Mật khẩu mới, xác nhận mật khẩu mới.

- **Dòng sự kiện:** (1) Người dùng truy cập vào phần "Tài Khoản Của Tôi" và chọn "Đổi Mật Khẩu", (2) Hệ thống hiển thị biểu mẫu, (3) Người dùng nhập thông tin vào các trường tương ứng, (4) nhấn nút "Lưu" hoặc "Cập Nhật" để yêu cầu đổi mật khẩu, (5) Hệ thống kiểm tra Mật khẩu mới và xác nhận mật khẩu mới có khớp nhau không, (6) Nếu tất cả thông tin hợp lệ, hệ thống lưu mật khẩu mới vào cơ sở dữ liệu, (7) Hệ thống thông báo rằng mật khẩu đã được đổi thành công.

- **Ngoại lệ:** Mật khẩu mới và xác nhận mật khẩu mới không khớp.

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:**  Mật khẩu hiện tại của người dùng đang được sử dụng cho tài khoản.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Mật khẩu của người dùng được cập nhật thành công trong hệ thống. Người dùng sẽ sử dụng mật khẩu mới cho các lần đăng nhập sau.

+ Thất bại: Mật khẩu không được đổi do lỗi hoặc thông tin không hợp lệ.

**USECASE Tích Điểm Thành Viên:**

**- Mục tiêu:** Cộng điểm thưởng cho thành viên khi họ đặt xong một đơn hàng.

- **Actor:** Người dùng đã đăng nhập

- **Điều kiện tiên quyết:** Người dùng đã đăng nhập và thực hiện đặt hàng.

- **Dòng sự kiện:** (1) Hệ thống tính toán số điểm thưởng dựa trên tổng tiền đơn hàng mà người dùng đặt, (2) Hệ thống cộng điểm thưởng vào tài khoản thành viên.

- **Ngoại lệ:** Lỗi hệ thống khi tính toán hoặc cập nhật điểm

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Điểm thưởng của thành viên chưa được cập nhật

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Điểm thưởng của thành viên được cập nhật tăng lên.

+ Thất bại: Điểm thưởng không thay đổi, hệ thống hiển thị thông báo lỗi.

**USECASE Xếp Hạng Thành Viên:**

**- Mục tiêu:** Xác định và cập nhật hạng thành viên dựa trên tổng tiền các đơn hàng mà người dùng đã mua.

- **Actor:** Người dùng đã đăng nhập

- **Điều kiện tiên quyết:** Người dùng đã đăng nhập và đặt hàng

- **Dữ liệu đầu vào:** Tổng tiền tích lũy

- **Dòng sự kiện:** (1) Hệ thống kiểm tra tổng số tiền các đơn hàng của các thành viên, (2) Hệ thống tiến hành xác định thứ hạng thành viên dựa trên tổng tiền mà người dùng đặt, (3) tiến hành cập nhật xếp hạng.

- **Ngoại lệ:** Lỗi cập nhật hạng thành viên trong cơ sở dữ liệu.

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Hạng thành viên chưa được cập nhật

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Hạng thành viên được cập nhật chính xác.

+ Thất bại: Hạng thành viên không thay đổi, hệ thống ghi nhận lỗi.

**USECASE Giỏ Hàng:**

**- Mục tiêu:** Lưu trữ thông tin giỏ hàng của người dùng vào cơ sở dữ liệu

- **Actor:** Người dùng đã đăng nhập

- **Điều kiện tiên quyết:** Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống

- **Dữ liệu đầu vào:** ID người dùng, và ID sản phẩm

- **Dòng sự kiện:** (1) kiểm tra tính hợp lệ của giỏ hàng, (2) tạo bản ghi mới trong bảng giỏ hàng với ID người dùng à ID sản phẩm, (3) Hệ thống xác nhận việc lưu giỏ hàng th**ành công.**

**- Ngoại lệ:** Dữ liệu giỏ hàng không hợp lệ, Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu.

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Giỏ hàng chỉ tồn tại trong phiên làm việc hiện tại của người dùng

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Giỏ hàng không được lưu vào cơ sở dữ liệu. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi chi tiết cho người dùng và giữ nguyên trạng thái giỏ hàng trong phiên hiện tại.

**USECASE Thanh Toán:**

**- Mục tiêu:** Cho phép người dùng thực hiện thanh toán đơn hàng.

- **Actor:** Người dùng đã đăng nhập

- **Điều kiện tiên quyết: (1)** Người dùng đã thêm sản phẩm vào giỏ hàng. (2) Hệ thống hỗ trợ thanh toán cho Người dùng.

- **Dữ liệu đầu vào: (1)** Thông tin giao hàng như họ tên, số điện thoại, địa chỉ email, địa chỉ nhận hàng. (2) Phương thức thanh toán (ví dụ: tiền mặt khi nhận hàng, thanh toán qua momo, thanh toán qua vnpay)

- **Dòng sự kiện:** (1) Người dùng thêm sản phẩm vào giỏ hàng, (2) Người dùng tiến hàng truy cập giỏ hàng và thực hiện tăng giảm số lượng nếu cần, (3) Khách tiến hành nhấn nút thanh toán, (5) Chuyển đến trang thanh toán và yêu cầu nhập thông tin giao hàng vào biểu mẫu form, (6) khách tiến hành chọn phương thức thanh toán, (7) người dùng tiến hành nhấn nút “Hoàn tất đơn hàng “.

1. Nếu thông tin hợp lệ, Hệ thống tạo đơn hàng mới với trạng thái "Chờ xử lý". (9) Hệ thống chuyển hướng Người dùng đến trang đơn hàng hiển thị thông tin đơn hàng vừa mới đặt xong. (10) Nếu thông tin không hợp lệ, hiển thị thông báo lỗi tương ứng (ví dụ: "Vui lòng nhập đầy đủ thông tin giao hàng", "Phương thức thanh toán không hợp lệ").

- **Ngoại lệ: (1)** Giỏ hàng trống hệ thống hiển thị thông báo "Giỏ hàng của bạn đang trống" và chuyển hướng người dùng đến trang chủ hoặc trang sản phẩm.

**- Trạng thái hệ thống trước UC thực hiện:** Hệ thống đang hoạt động bình thường. Giỏ hàng của người dùng chứa sản phẩm.

- **Trạng thái sau khi thực hiện:**

**+** Thành công: Đơn hàng được tạo thành công. Giỏ hàng được làm trống.

+ Thất bại: Đơn hàng không được tạo do lỗi hoặc thông tin không hợp lệ. Thông báo lỗi tương ứng được hiển thị cho người dùng. Giỏ hàng vẫn giữ nguyên.

**PHẦN 4: THIẾT KẾ**

**PHẦN 5: THỰC HIỆN**

**PHẦN 6: KIỂM THỬ**

**PHẦN 7: ĐÓNG GÓI**

**KẾT LUẬN**